TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/DS-ST
Ngày: 28-10-2019
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy.

2. Ông Trần Văn Rọi.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 175/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị N, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Kim Ng, sinh năm: 1985. Trú tại: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Huỳnh Văn Q, sinh năm: 1982. Ngụ cùng địa của chị N (Có mặt).

2. Anh Quách Hoàng T, sinh năm: 1987. Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. Tạm trú: ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị và chị N là bạn bè làm chung công ty trước đây. Chị yêu cầu chị N có nghĩa vụ trả cho chị và chồng chị (anh Q) các khoản vay cụ thể như sau:

Vào ngày 15-9-2017 chị N vay chị số tiền 40.000.000 đồng, chị N vay để cho người khác vay lại, lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay đến tháng 12-2017. Khi vay chị N không viết giấy nợ. Sau khi vay chị N trả đủ tiền lãi đến 12-2017 thì ngưng cho đến nay.

Ngày 23-01-2018, chị N vay 20.000.000 đồng, chị N vay để cho em chị mượn mua xe máy, lãi suất 5%/ tháng, thời hạn vay khoảng 03 tháng. Sau khi vay chị N trả lãi đủ đến tháng 09-2018 thì ngưng. Cả 02 khoản vay chị N hẹn tháng 4-2018 sẽ trả hết. Lần này chị N viết giấy nợ cho cả 02 lần vay là 60.000.000 đồng.

Ngày 11-8-2018, chị N vay 80.000.000 đồng, chị N vay để trả tiền Ngân hàng cho vay nóng (Ngân hàng cột điện), lãi suất cũng 5%/tháng, chị N có ký viết giấy nợ, hẹn vay trong vòng 1-2 tháng, từ ngày vay đến nay chị N không trả được khoản vốn và lãi nào cả.

Trước đây, chị yêu cầu chị N có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị 140.000.000 đồng tiền vốn. Tại phiên tòa chị bớt cho chị N 40.000.000 đồng nhưng chồng chị không đồng ý và chỉ chấp nhận bớt cho chị N 20.000.000 đồng. Vì vậy, chị thống nhất theo ý kiến của chồng chị và yêu cầu chị N có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị 120.000.000 đồng. Chị không yêu cầu tính lãi.

Theo chị đây là nợ riêng của chị N nên chị yêu cầu 01 mình chị N có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị.

Bị đơn chị Trần Thị Kim N trình bày: Chị thừa nhận có ký tên vào các giấy nợ, với tổng cộng số nợ cho các lần vay là 140.000.000 đồng như lời chị Ntrình bày là đúng. Tuy nhiên, lãi suất có khi 7% và có khi 8%/tháng. Khi vay không thỏa thuận ngày trả, phần lớn tiền vay chị dùng vào việc đánh bạc (ghi số đề), nhưng chị không còn chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày này của chị.

Sau khi vay, chị đã trả vốn và lãi đầy đủ cho chị N. Cụ thể: Chị và anh Quách Hoàng T cùng đứng tên vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện G - Phòng giao dịch khu vực P vào ngày 18-7-2018, ngay sau khi nhận được số tiền vay 190.000.000 đồng, chị với anh T cùng chị N và anh Q đến quán cà phê Đ gần Ngân hàng, chị trả cho chị N số tiền 170.000.000 đồng (gồm 140.000.0000 đồng vốn và 30.000.000 đồng lãi). Khi trả tiền hai bên không có làm giấy tờ gì cả, những người trong quán cà phê không biết gì về việc giao nhận tiền.

Theo chị, hiện tại chị không còn nợ vợ chồng chị N khoản tiền nào cả. Tuy nhiên chị không có chứng cứ gì chứng minh nên chấp nhận trả cho vợ chồng chị N số tiền 100.000.000 đồng.

Tất cả các khoản nợ đều phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh Quách Hoàng T. Tuy nhiên, chị sử dụng vào mục đích riêng cho cá nhân chị, anh T không biết. Tháng 10-2018, vợ chồng đã ly hôn, nên số nợ này là nợ riêng của chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn Q trình bày: anh thống nhất theo lời trình bày của vợ anh là chi N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Quách Hoàng T trình bày: chị N vay tiền của anh Q và chị N bao nhiêu và còn nợ lại cụ thể như thế nào anh không biết, anh chỉ nghe chị N nói còn nợ chị N khoảng một trăm mấy chục triệu. Ngày 18-7-2018, anh và chị N có cùng đứng tên vay Ngân hàng 190.000.000 đồng. Sau đó cả 04 người gồm anh, chị N, chị Nvà anh Q có đến quán cà phê gần Ngân hàng, chị N có trả cho chị N và anh Q số tiền 170.000.000 đồng như lời chị N trình bày là đúng. Đây là nợ riêng của chị N, anh không biết và không liên quan đến số nợ này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N và anh Qvề việc yêu cầu một mình chị N có nghĩa vụ trả cho anh chị số tiền 120.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Quách Hoàng T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp các đương sự vắng mặt là phù hợp với Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa chị N rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ yêu cầu của chị N là phù hợp với các điều 217, 218 và 219 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của chị N, thấy rằng: Chị N thừa nhận có vay của chị N số tiền 140.000.000 đồng và các chữ ký trong những giấy nợ đúng là của chị. Tuy nhiên, chị N không có chứng cứ chứng minh là chị đã trả xong khoản nợ này. Hơn nữa, chị N một mặt trình bày chị trả hết nợ vào ngày 18-7-2018. Mặt khác, chị lại thừa nhận trong khoản vay 140.000.000 đồng có số tiền 80.000.000 đồng chị ký tên vay của chị N vào ngày 11-8-2018. Từ đó cho thấy, lời trình bày của chị Nlà mâu thuẫn (vì chị trả tiền trước khi vay). Đối với việc anh T trình bày có chứng kiến chị N trả nợ cho chị N chưa đủ cơ sở để xác định có việc chị Ng đã trả tiền cho chị N. Vì tại thời điểm chị Ng cho rằng trả nợ, chị Ng và anh T là vợ chồng nên chứng cứ anh T cung cấp không khách quan. Ngoài ra, không còn chứng cứ nào khác để xác định có việc chị Ng trả tiền cho chị N. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận theo lời trình bày của chị Ng, đồng thời chấp nhận

theo yêu cầu của chị N, buộc chị Ng có nghĩa vụ trả cho chị N và anh Q số tiền 120.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Ghi nhận chị N và anh Q không yêu cầu tính lãi.

[2.2] Đối với phần lãi chị N đã nhận của chị Ng: Thấy rằng, lãi suất hai bên thỏa thuận vượt quá quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Nhưng do có thời gian chị Ng không trả lãi cho chị N. Nếu tính tất cả thời gian chị Ng phải trả lãi cho chị với mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì phần lãi chị N đã nhận không vượt quá so với mức lãi suất điều chỉnh lại theo quy định tại điều luật này. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận việc chị N không yêu cầu tính lãi là có căn cứ.

[2.3] Chị Ng vay tiền trong thời kỳ hôn nhân với anh T, tháng 10-2018 anh chị ly hôn. Các đương sự cùng thống nhất chị Ng sử dụng các khoản tiền vay vào mục đích cá nhân của chị nên 01 mình chị Ng có nghĩa vụ trả nợ cho chị N và anh Q. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của các đương sự có căn cứ theo quy định tại Điều 45 của Luật Hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[3] Như vậy, toàn bộ đề xuất của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc chị Ng có nghĩa vụ chịu 5% án phí trên số tiền phải trả cho chị N và anh Q là 120.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 147, 217, 218, 219 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 45 của Luật Hôn nhân và gia đình Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Trần Thị N và anh Huỳnh Văn Q đối với chị Trần Thị Kim Ng.

Buộc chị Trần Thị Kim Ng có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị N và anh Huỳnh Văn Q số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Ghi nhận chị N và anh Q không yêu cầu tính lãi.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị rần Thị N đối với số tiền yêu cầu là 20.000.000 đồng. Chị N được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu mà Tòa án đã đình chỉ.

3. Về án phí sơ thẩm dân sự: Buộc chị Ng phải nộp 6.000.000 đồng. Hoàn trả chị N 3.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009154 ngày 10-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

Kể từ khi chị N và anh Q có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Ng không thi hành thì hàng tháng chị Ng còn phải trả cho chị N và anh Qu phần lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Vân Quỳnh